TAND HUYỆN Y
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2018
V/v: Chị Q xin ly hôn Anh K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Đức Năm.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Long và ông Phạm Văn Quang.
***Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà**: Ông Nguyễn Xuân Phương.*
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Y, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà**: Ông Lê Huy Lệ - Kiểm sát viên*

Trong ngày 25/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2018 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1998. Có mặt
Trú tại: Thôn Th, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.
Bị đơn: Anh Chu Văn K, sinh năm 1993. Vắng mặt
Trú tại: Thôn Ph, xã Tr, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của Nguyên đơn thể hiện: Chị Nguyễn Thị Q về chung sống như vợ chồng với anh Chu Văn K từ ngày 02/9/20015, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Đến ngày 22/6/2016 chị và anh K đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống vui vẻ, hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và cuối năm 2016 chị đã làm đơn xin ly hôn, do Tòa án hòa giải chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ tạo cơ hội cho anh K sửa chữa lỗi lầm. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng chưa hiểu nhau trong cuộc sống vợ chồng, dẫn đến hay cãi nói nhau. Ngoài ra anh K ham chơi bời không chịu làm ăn và vay nợ nhiều người. Từ khi chị rút đơn anh vẫn không sửa chữa nên tình cảm vợ chồng không được cải thiện và ngày càng lạnh nhạt. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ đó. Nay chị Q thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị được ly hôn.

Bị đơn không đến Tòa án làm việc nhưng theo lời khai của bị đơn với Tòa án thể hiện: Anh K thừa nhận lời khai của chị Q về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn và thời gian chung sống như chị Q trình bày là đúng. Do thời gian chung sống với nhau ngắn, vợ chồng chưa có sự hiểu và thông cảm với nhau trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát cãi, nói nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2018 và chấm dứt mọi quan hệ từ đó. Nay chị Q đề nghị được ly hôn, anh K cho rằng vợ chồng vẫn còn tình

cảm, mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn nhưng nếu chị Q cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Hai bên xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Chu Nhật N, sinh ngày 20/02/2016, hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, trích chia công sức: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, chị Q đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS, anh K chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên bố chị Q được ly hôn anh K. Giao con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tài sản, công nợ và các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh K không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Chu Văn K không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cũng như giấy báo phiên tòa đầy đủ, anh K đề nghị giải quyết vắng mặt nên xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Chu Văn K kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Quá trình chung sống: Vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng chưa hiểu nhau trong cuộc sống vợ chồng, kết hợp với kinh tế khó khăn do anh ham chơi dẫn đến vợ chồng hay cãi nói nhau. cuối năm 2016 chị đã làm đơn xin ly hôn, do Tòa án hòa giải chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng từ khi chị rút đơn tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện và ngày càng lạnh nhạt. Nay chị đề nghị được ly hôn, anh không đồng ý và cho rằng nếu chị cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý. Xét thấy: Vợ chồng mới chung sống thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng chưa thực sự hiểu và thông cảm với nhau, kết hợp với điều kiện kinh tế khó khăn anh lại ham chơi nên thường xuyên cãi nói nhau, đối xử với nhau không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng xin ly hôn của chị là phù hợp nên cần chấp nhận để giải phóng cho cả hai bên.

[3] Về con chung: Hai bên xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Chu Nhật N, sinh ngày 20/02/2016 hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh không yêu cầu giải quyết. Xét thấy: Cháu N hiện đang ở với chị cuộc sống ổn định, hơn nữa cháu còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi nên nguyện vọng xin nuôi con của chị là phù hợp cần chấp nhận. Chị không yêu cầu phí tổn nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ, trích trả công sức: Các đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Chu Văn K.

Về con chung: Giao cháu Chu Nhật N, sinh ngày 20/02/2016 cho chị Quyên trực tiếp nuôi dưỡng. Phí tổn nuôi con không xem xét giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ án phí Ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Q đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0003807 ngày 15/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh.
- VKS, THADS huyện.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lương Đức Năm

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Tuyên bố anh Nguyễn Văn Anh và chị Nguyễn Thị Hồng không phải là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Nguyễn Văn Luân, sinh ngày 14/7/1994. Hiện cháu đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn Anh phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Văn Anh đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0003758 ngày 27/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong. Anh Nguyễn Văn Anh được khấu trừ vào tiền án phí mà anh phải nộp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**